Bộ, tỉnh: Tỉnh Tuyên Quang

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế tỉnh Tuyên Quang

Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì xử lý tài sản: Bệnh viện Đa khoa khu vực Xín Mần tỉnh Tuyên Quang

Mã đơn vị: 1027949

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lí khác				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	**Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**															
1.1	*Đất*															
1.2	*Nhà*															
1.3	*Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác*															
2	**Xe ô tô**															
2.1	*Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh*															
2.2	*Xe ô tô phục vụ công tác chung*															
2.3	*Xe ô tô chuyên dùng*															
2.4	*Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước*															
3	**Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)**															
4	**Máy móc, thiết bị**	**789.000**	**342.055**													
4.1	*Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh*															

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4.2	*Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung*															
4.3	*Máy móc, thiết bị chuyên dùng*	789.000	342.055													
1	*Mắt giặt công nghiệp*		342.055									1				
2	*Máy X quang cao tần 500MA*	789.000				1										
5	**Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm**															
6	**Tài sản cố định đặc thù**															
7	**Tài sản cố định hữu hình khác**															
8	**Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)**															
	Tổng cộng	**789.000**	**342.055**													

Pà Vầy Nủ, ngày 31.. tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Hà Thị Phượng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC XÍN MẦN

Bs. Sin Văn Sơn

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tuyên Quang **Mẫu số 04a-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế tỉnh Tuyên Quang

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Đa khoa khu vực Xín Mần tỉnh Tuyên Quang

Mã đơn vị: 1027949

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Năm 2025

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**				**2.840.698**				
1	**Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**								
1.1	*Đất*								
1.2	*Nhà*								
1.3	*Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác*								
2	**Xe ô tô**								
2.1	*Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh*								
2.2	*Xe ô tô phục vụ công tác chung*								
2.3	*Xe ô tô chuyên dùng*								
2.4	*Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước*								
3	**Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)**								
4	**Máy móc, thiết bị**				**2.840.698**				
4.1	*Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh*				497.173				
	Điều hoà (Phòng A10)- 2025	Bộj	1	Casperkc - 12 FC 32	12.300				
	Điều hoà (Phòng A10)- 2025		1	Casperkc - 12 FC 32	10.057				
	Điều hoà Funiki HSH 18 hai chiều (Khoa sản- 2025)		1		15.000				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Màn Led Hội trường (2024)	Cái	1	Epson	48.216		Hộ KD Đỗ Thị Tô Hoài		
	Máy chủ PowerEdge R760xs (Dell) - 2025	Bộ	1	Dell	345.600				
	Máy tính để bàn Asus (T6-2025)	Cái	1		12.500				
	Máy tính để bàn Asus (T6-2025)	Cái	1		12.500				
	Máy tính để bàn Asus (T6-2025)	Cái	1		12.500				
	Máy tính để bàn HP (T2-2025)	Cái	1	HP	13.500				
	Máy tính sách tay Dell (T4-2025) Sson	Cái	1		15.000				
4.2	*Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung*				27.000				
	Tủ đông Hoà phát HPF AD1190 (2025)	Chiếc	1	HPF-AD6	27.000				
4.3	*Máy móc, thiết bị chuyên dùng*				2.316.525				
	Bơm tiêm điện	Cái	1		26.250				
	Bơm tiêm điện	Cái	1		26.250				
	Dao mổ điện cao tần	Cái	1	LED SpA	24.150				
	Dụng cụ kẹp phẫu tích kelly nội soi	Cái	1		17.800				
	Kìm kẹp kim nội soi	Cái	1		16.800				
	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1	MIR	109.000				
	Máy đo huyết áp tự động		1		32.025				
	Máy hút áp lực âm (máy hút dịch áp lưu thấp)		1		17.500				
	Máy hút áp lực âm (máy hút dịch áp lưu thấp)		1		17.500				
	Máy laser nội mạch		1	Trung tâm công nghệ laser	37.800				
	Máy li tâm	Cái	1	Hettich	89.000				
	Máy siêu âm điều trị	Cái	1		23.200				
	Máy soi cổ tử cung		1	KERNEL	57.750				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Máy tiệt trùng nhiệt độ tháp công nghệ plasma	Cái	1		969.500				
	Máy truyền dịch	Cái	1		31.500				
	Máy truyền dịch		1		31.500				
	Máy X quang cao tần 500MA	Cái	1		789.000				
5	**Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm**								
6	**Tài sản cố định đặc thù**								
7	**Tài sản cố định hữu hình khác**								
8	**Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)**								
II	**Tài sản giao mới**				**883.385**				
1	**Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**								
1.1	*Đất*								
1.2	*Nhà*								
1.3	*Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác*								
2	**Xe ô tô**				**618.150**				
2.1	*Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh*								
2.2	*Xe ô tô phục vụ công tác chung*								
2.3	*Xe ô tô chuyên dùng*				618.150				
	Ô tô cứu thương	Cái	1	TOYOTA	618.150				
2.4	*Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước*								
3	**Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)**								
4	**Máy móc, thiết bị**				**265.235**				
4.1	*Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh*								
4.2	*Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung*								

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
4.3	*Máy móc, thiết bị chuyên dùng*				265.235				
	Bơm tiêm điện -VCF 2025	Cái	1	Model: Cetus x12	14.910				
	Bơm truyền dịch -VCF 2025	Cái	1	INFUSIA VP7S	15.225				
	Giường điều trị đa năng cho trẻ sơ sinh -VCF 2025	Cái	1		54.600				
	Lưu điện Huynhdai HD-3KT9 (T3-2025)	Cái	1	Huynh dai	16.300				
	Máy đo nhịp tim bằng siêu âm (monitor SK) -VCF 2025	bộ	1	Model: Cetus x12	33.000				
	Máy đo nồng độ bảo hoà oxy (SP)2) trong máu cầm tay -VCF 2025	Cái	1		11.000				
	Máy trợ thở CPAP cho trẻ sơ sinh -VCF 2025	Cái	1		59.200				
	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số -VCF 2025	Bộ	1	Model: Cetus x12	42.000				
	Xe lưu trữ y dụng cụ đa năng Model SC32EMG -VCF 2025	Cái	1		19.000				
5	**Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm**								
6	**Tài sản cố định đặc thù**								
7	**Tài sản cố định hữu hình khác**								
8	**Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)**								
III	**Tài sản đi thuê**								
IV	**Tài sản nhận điều chuyển**								
	Tổng cộng				**3.724.083**				

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Hồ Thị phương

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC,

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC XÍN MẦN

Bs. Tín Văn Sơn

QLTS.VN

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tuyên Quang

Mẫu số 04b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế tỉnh Tuyên Quang

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Đa khoa khu vực Xín Mần tỉnh Tuyên Quang

Mã đơn vị: 1027949

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**	**22**	**17.561**	**50.782.991**	**23.992.274**	**17.563**				
1.1	*Đất*	*2*	*12.180*	*5.784.160*	*5.784.160*	*12.180*				
1	Đất cơ quan (Bệnh Viện)	1	10.451	5.298.657	5.298.657	10.451				
2	Đất cơ quan (Tập thể)	1	1.729	485.503	485.503	1.729				
1.2	*Nhà*	*18*	*5.381*	*30.595.946*	*11.560.426*	*5.381*				
1	Ngôi 1 (Nhà để xe ô tô, xe máy 2008)	1	76	430.668	174.028	76				
2	Ngôi 1 (Nhà tập thể 1-10 phòng 2008)	1	264	476.911		264				
3	Ngôi 10 (Nhà công vụ 1 phòng + Nhà vệ sinh 6 phòng)	1	1	451.825	98.633	1				
4	Ngôi 2 (Nhà tập thể 1-6 phòng 2009)	1	216	550.299		216				
5	Ngôi 2 Bếp ăn tình thương	1	482	1.082.849	488.138	482				
6	Ngôi 3 (Nhà hành chính -kỹ thuật NV 2010)	1	742	3.582.232		742				
7	Ngôi 4 Nhà phòng khám 2 tầng	1	350	2.669.850	234.899	350				
8	Ngôi 9 (Nhà tang lễ +hạng mục phụ trợ 2011)	1	229	4.318.735	315.268	229				
9	Nhà đại thể cấp IV (02 gian)	1	45	200.000	93.280	45				
10	Nhà điều trị cấp IV khoa Phục hồi chức năng	1	1	842.854	336.889	1				
11	Nhà điều trị nội trú khoa Nội-Nhi-Hồi sức-Đông y (đã nâng cấp mở rộng diện tích)	1	954	3.338.763		954				
12	Nhà kho để bình Oxy	1	14	80.000	37.312	14				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
13	Nhà kỹ thuật (Block khoa Ngoại)	1	571	1.384.188		571				
14	Nhà Ngoại sản 2024	1	1.105	10.426.167	9.592.073	1.105				
15	Nhà phơi đồ tiệt trùng (Nhà khung sắt)	1	118	80.000	37.312	118				
16	Nhà vệ sinh (khoa Truyền Nhiễm)	1	31	199.581	66.461	31				
17	Nhà vệ sinh 04 gian - Khoa Nội tổng hợp	1	20	215.492	86.132	20				
18	Nhà x quang 2001	1	162	265.531		162				
1.3	*Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác*	*2*		*14.402.885*	*6.647.689*	*2*				
1	Hệ thống xử lý chất thải y tế (2021)	1		8.863.585	6.647.689	1				
2	Kè chống sạt lở	1		5.539.300		1				
2	**Xe ô tô**	**2**		**1.613.150**	**729.534**	**2**				
2.1	*Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh*	*1*		*995.000*	*729.534*	*1*				
1	TOYOTA HIACE 23A-00741 - 23A-00741	1		995.000	729.534	1				
2.2	*Xe ô tô phục vụ công tác chung*									
2.3	*Xe ô tô chuyên dùng*	*1*		*618.150*		*1*				
1	TOYOTA 23M - 000.04	1		618.150		1				
2.4	*Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước*									
3	**Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)**									
4	**Máy móc, thiết bị**	**305**		**37.602.984**	**9.965.523**	**305**				
4.1	*Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh*	*61*		*1.383.987*	*525.817*	*61*				
1	Bàn ghế tiếp khách gỗ sồi (cả đệm)	1		17.500	9.000	1				
2	Bàn làm việc có bàn phụ	1		11.200		1				
3	Bàn làm việc có bàn phụ	1		11.200		1				
4	Bàn làm việc có bàn phụ	1		11.200		1				
5	Bộ máy tính	1		11.715		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
6	Bộ máy tính Dell	1		14.410		1				
7	Bộ máy tính Dell	1		14.410		1				
8	Bộ máy tính Dell	1		14.410		1				
9	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
10	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
11	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
12	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
13	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
14	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
15	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
16	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
17	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
18	Bộ máy tính FPT	1		11.000		1				
19	Bộ máy vi tính	1		11.715		1				
20	Điều hòa	1		11.000		1				
21	Điều hòa	1		11.000		1				
22	Điều hoà (Phòng A10)- 2025	1		12.300	10.763	1				
23	Điều hoà (Phòng A10)- 2025	1		10.057	8.800	1				
24	Điều hoà Funiki HSH 18 hai chiều (Khoa sản- 2025)	1		15.000	13.125	1				
25	Điều hòa không khí	1		13.500		1				
26	Điều hoà nhiệt độ (2024- Hội trường)	1		12.100	9.075	1				
27	Điều hoà nhiệt độ (2024- Hội trường)	1		12.100	9.075	1				
28	Điều hoà nhiệt độ (2024- Khoa dinh dưỡng)	1		17.500	13.125	1				
29	Điều hoà nhiệt độ 2 chiều NISUH	1		11.900		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
30	Điều hoà nhiệt độ 2023 (phòng cti)	1		18.500	11.563	1				
31	Điều hoà nhiệt độ 2023 (phòng cti)	1		18.500	11.563	1				
32	Điều hòa nhiệt độ SUMIKURA 12000 BTU	1		10.600		1				
33	Điều hòa(phòng mổ)	1		11.000		1				
34	Màn Led Hội trường (2024)	1		48.216	28.930	1				
35	máy chiếu	1		27.800		1				
36	Máy chủ PowerEdge R760xs (Dell) -2025	1		345.600	276.480	1				
37	Máy điều hòa nhiệt độ	1		17.000		1				
38	Máy phô tô Richh-2013	1		48.000		1				
39	Máy phô tô (dự án)	1		24.800		1				
40	Máy Photocopy kỹ thuật số Sharp_AR_M460N	1		89.500		1				
41	Máy photocopy Ricoh IM2702 (2023)	1		69.000	27.600	1				
42	Máy Scan	1		15.950		1				
43	Máy tính Chủ	1		44.955		1				
44	Máy tính để bàn Asus (T6-2025)	1		12.500	10.000	1				
45	Máy tính để bàn Asus (T6-2025)	1		12.500	10.000	1				
46	Máy tính để bàn Asus (T6-2025)	1		12.500	10.000	1				
47	Máy tính để bàn Dell 2023 (Lan)	1		12.500	5.000	1				
48	Máy tính để bàn HP (T2-2025)	1		13.500	10.800	1				
49	Máy tính sách tay Dell (T4-2025) Sson	1		15.000	12.000	1				
50	Máy tính Sunpax	1		12.111		1				
51	Máy tính Sunpax - KB	1		12.111		1				
52	Máy tính Sunpax - KKHTH	1		12.111		1				
53	Máy tính xách tay	1		15.000		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
54	máy tính xách tay Dell (2024 Lan)	1		15.000	9.000	1				
55	máy tính xách tay Dell (2024 Phong)	1		15.000	9.000	1				
56	máy tính xách tay Dell (2024 Quỳnh)	1		15.000	9.000	1				
57	Máy tính xách tay HP (2023) Hoan	1		14.800	5.920	1				
58	Máy tính xách tay(a Phong)	1		13.000		1				
59	Máy vi tính để bàn	1		11.000		1				
60	Máy vi tinh Đông Nam Á	1		11.715		1				
61	Máy vi tính xách tay Dell Hoành)	1		15.000	6.000	1				
4.2	*Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung*	*136*		*21.166.461*	*1.963.186*	*136*				
1	Âm ly	1		11.900		1				
2	Amli Pravery PVU 8Bplus	1		11.900		1				
3	Bàn mổ đa năng	1		99.000	39.600	1				
4	Bàn mổ đa năng thủy lực	1		225.922		1				
5	Bàn mổ điện	1		388.680		1				
6	Bộ dụng cụ khám răng	1		34.065		1				
7	Bộ dụng cụ mổ quặm mí mắt	1		13.976		1				
8	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	1		73.000	7.300	1				
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa (Tài trợ 2015)	1		409.200		1				
10	Bộ dụng cụ Pt sản khoa phòng mổ	1		73.500		1				
11	Bộ khám điều trị tai mũi họng+ghế	1		228.237		1				
12	Bộ kính thị lực	1		15.725		1				
13	Bộ kính thị lực kèm gọng	1		24.200		1				
14	Bộ lưu điện - 3KVA	1		14.700		1				
15	Bộ lưu điện-6 KVA	1		49.500		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
16	Bộ soi đồng tử khúc xạ	1		24.049		1				
17	Bơm tiêm điện	1		39.500	11.060	1				
18	Bơm tiêm điện	1		39.500	11.060	1				
19	Bơm tiêm điện - TPCP	1		20.500		1				
20	Bơm tiêm điện AGILIA	1		20.500		1				
21	Bơm tiêm điện- TE	1		19.000		1				
22	Bơm tiêm truyền dịch - TPCP	1		31.500		1				
23	Bơm truyền dịch OTIMa	1		17.784		1				
24	Bơm truyền dịch OTMA-CTMNPB	1		17.784		1				
25	Bồn đun ủ Paraffin	1		65.000	9.750	1				
26	Bồn rửa tay vô trùng - 2 vòi	1		87.600	13.140	1				
27	Bồn tắm bé sơ sinh	1		99.650	9.965	1				
28	Dao mổ điện	1		181.000		1				
29	Dao mổ điện siêu cao tần	1		249.700	37.455	1				
30	Ghế tập mạnh chân	1		10.000		1				
31	Ghế tập mạnh tay	1		10.000		1				
32	Giường cấp cứu inox	1		44.929		1				
33	Giường inox-TPCP	1		31.800		1				
34	Hệ thống khám nội soi tai mũi họng	1		268.600		1				
35	Hệ thống lọc nước uống RO	1		15.000		1				
36	Hệ thống máy ghế răng	1		500.558		1				
37	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video	1		1.842.000	276.300	1				
38	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	1		2.248.500	629.580	1				
39	Hệ thống rửa tay	1		85.066		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
40	Hệ thống Xquang thường	1		574.935		1				
41	Khung tập đi có ghế ngồi có phanh	1		12.200		1				
42	Kìm cắt đinh to (Bộ xương dự trữ)	1		15.106		1				
43	Kính điện	1		14.522		1				
44	Kính hiển vi 2 mắt	1		37.239		1				
45	LioaPRI1500	1		16.500		1				
46	Lồng ấp dưỡng nhi	1		259.850		1				
47	Lồng ấp trẻ sơ sinh - UPA	1		159.000		1				
48	Máy chiếu Sony	1		31.000		1				
49	Máy chuyền dịch	1		42.000	11.760	1				
50	Máy đo huyết áp tự động	1		75.000	11.250	1				
51	Máy Doppler thai cầm tay	1		49.800		1				
52	Máy gây mê	1		132.114		1				
53	Máy gây mê kèm thở	1		551.000		1				
54	Máy giặt	1		12.000	6.000	1				
55	Máy giặt -Mua	1		170.450		1				
56	Máy giặt vắt công nghiệp	1		179.800		1				
57	Máy giặt vắt công nghiệp	1		342.066		1				
58	Máy hút ẩm 2023 (Cti)	1		10.000	4.000	1				
59	Máy hút ẩm 2023 (Cti)	1		10.000	4.000	1				
60	Máy hút áp lực GOMCO	1		33.884		1				
61	Máy hút dịch 1242	1		18.000		1				
62	Máy hút dịch 1242	1		18.000		1				
63	Máy hút dịch áp lực thấp	1		12.000		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
64	Máy hút dịch Askir- CTMNPB	1		15.607		1				
65	Máy hút dịch asky	1		15.607		1				
66	Máy hút dịch asky	1		15.607		1				
67	Máy kéo giãn cột sống, cổ, thắt lưng	1		248.500		1				
68	Máy khoan xương điện	1		75.000	11.250	1				
69	Máy khuấy từ	1		41.383		1				
70	Máy lắc IKA	1		101.604	15.241	1				
71	Máy laser điều trị kiểu AL170	1		44.753		1				
72	Máy li tâm	1		18.400		1				
73	Máy li tâm đa năng	1		45.455		1				
74	Máy li tâm ống mao dẫn	1		46.290		1				
75	Máy lọc nước 2 lần	1		78.644		1				
76	Máy miễn dịch huỳnh quang	1		94.500	37.800	1				
77	Máy phá dung tim và tạo nhịp	1		171.389		1				
78	Máy phân tích điện giải đồ	1		110.000		1				
79	Máy phân tích điện giải SD điện cực	1		144.648		1				
80	Máy phân tích đông máu	1		104.474		1				
81	Máy phân tích huyết học tự động	1		209.700		1				
82	Máy phân tích huyết học tự động	1		249.019		1				
83	Máy phân tích khí máu I-STAT	1		241.460		1				
84	Máy phân tích nước tiểu	1		11.966		1				
85	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	1		19.800		1				
86	Máy phân tích nước tiểu COMBISCAL	1		29.566		1				
87	Máy phân tích nước tiểu COMbiscan	1		25.566		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
88	Máy phát điện và chuyển nguồn tự động	1		365.000	54.750	1				
89	Máy phun khử khuẩn AEROSEPT 100VF	1		91.797		1				
90	Máy rửa phim xquang tự động	1		95.770		1				
91	Máy rút thở không xâm nhập	1		27.063		1				
92	Máy sấy công nghiệp	1		478.740	71.811	1				
93	Máy siêu âm kèm máy in	1		449.600		1				
94	Máy siêu âm màu 4D	1		1.008.800	151.320	1				
95	Máy siêu âm xách tay đen trắng 2 đầu dò kèm máy in	1		351.030		1				
96	Máy sinh hóa bán tự động	1		109.000		1				
97	Máy sinh hóa bán tự động	1		114.207		1				
98	Máy sinh hóa tự động	1		21.666		1				
99	Máy sinh hóa tự động	1		731.291	109.694	1				
100	Máy sóng ngắn điều trị kiểu SW-201	1		191.636		1				
101	Máy sưởi ấm trẻ sơ sinh- CTMNPB	1		98.195		1				
102	Máy tạo nén o xy Vision Airee 2015	1		32.650		1				
103	Máy tạo nén oxy- HTYTQG	1		122.083		1				
104	Máy tạo o xy 5l/phút 2015	1		32.650		1				
105	Máy tạo oxy 5 lít /phút	1		18.728		1				
106	Máy theo dõi bệnh nhân	1		130.781		1				
107	Máy theo dõi bệnh nhân - 5 Thông số	1		98.500		1				
108	Máy theo dõi bệnh nhân - 5 Thông số	1		98.500	14.775	1				
109	Máy theo dõi bệnh nhân - 5 Thông số	1		98.500	27.580	1				
110	Máy theo dõi bệnh nhân - 5 thông số	1		98.500	12.312	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
111	Máy theo dõi bệnh nhân intellivue MP philip nonitor, model:intelivue	1		178.527		1				
112	Máy theo dõi tim thai (năm 2021)	1		10.520	5.410	1				
113	Máy theo dõi tim thai (năm 2021)	1		10.520	5.410	1				
114	Máy thở	1		20.545		1				
115	Máy thở savina	1		395.325		1				
116	Máy thở savina-CTMNPB	1		414.014		1				
117	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	1		780.000	218.400	1				
118	Máy X quang MXQ (hỏng 2002)	1		506.342		1				
119	Máy Xét nghiệm sinh hóa tự động hoàn toàn 250 Test/ giờ	1		498.600		1				
120	Monitor	1		97.000	49.886	1				
121	Monitor sản khoa	1		55.000	6.875	1				
122	Monitor theo dõi bệnh nhân-5 thông số	1		175.000	49.000	1				
123	Mornitor thông số theo dõi chức năng	1		36.000		1				
124	Ổn áp lớn cho Labo	1		76.095		1				
125	Ti vi sony KD- 55 X75K VN3	1		16.000	6.400	1				
126	Trang thiết bị lắp đặt hệ thống mạng LAN	1		235.800		1				
127	Tủ đông Hoà phát HPF AD1190 (2025)	1		27.000	21.600	1				
128	Tủ lạnh	1		16.000	6.400	1				
129	Tủ lạnh 2012	1		12.750		1				
130	Tủ lạnh dự trữ máu	1		74.000		1				
131	Tủ lạnh Hitachi	1		19.500		1				
132	Tủ mát (2023)	1		12.630	5.052	1				
133	Tủ sơn PU 4 ngăn	1		12.606		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
134	Tủ sơn PU 4 ngăn	1		12.606		1				
135	Tủ sơn PU 4 ngăn	1		12.606		1				
136	UPS Santak Blazer 3000VA	1		18.360		1				
4.3	*Máy móc, thiết bị chuyên dùng*	*108*		*15.052.537*	*7.476.520*	*108*				
1	Bè đẻ 2023	1		12.500	7.813	1				
2	Bộ phẫu thuật trung phẫu xương dùng để tháo vít đa năng	1		31.500	19.688	1				
3	Bơm tiêm điện	1		26.250	22.969	1				
4	Bơm tiêm điện	1		26.250	22.969	1				
5	Bơm tiêm điện -VCF 2025	1		14.910	13.046	1				
6	Bơm tiêm điện 2023 (A10)	1		24.500	15.313	1				
7	Bơm tiêm điện Injectomat Agilia (dự án)	1		16.860		1				
8	Bơm tiêm điện Injectomat Agilia (dự án)	1		16.860		1				
9	Bơm truyền dịch -VCF 2025	1		15.225	13.322	1				
10	Dao mổ điện cao tần	1		24.150	21.131	1				
11	Đèn khám mắt hình búa	1		20.581		1				
12	Đèn điều trị vàng da	1		62.000	15.500	1				
13	Đèn điều trị vàng da	1		62.000	15.500	1				
14	Đèn điều trị vàng da 2015	1		29.500		1				
15	Đèn mổ 4 bóng	1		14.788		1				
16	Đèn mổ di động	1		83.305		1				
17	Đèn mổ di động	1		83.305		1				
18	Đèn mổ di động 5 bóng	1		70.000		1				
19	Đèn mổ treo trần	1		88.907		1				
20	Đèn mổ treo trần 9 bóng	1		82.000	32.800	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
21	Dụng cụ kẹp phẫu tích kelly nội soi	1		17.800	15.575	1				
22	Giường cấp cứu đa chức năng 4 tay quay	1		12.300	6.150	1				
23	Giường cấp cứu đa chức năng 4 tay quay	1		12.300	6.150	1				
24	Giường cấp cứu đa chức năng 4 tay quay	1		12.300	6.150	1				
25	Giường cấp cứu đa chức năng 4 tay quay	1		12.300	6.150	1				
26	Giường cấp cứu đa chức năng 4 tay quay	1		12.300	6.150	1				
27	Giường cấp cứu đa chức năng 4 tay quay	1		12.300	6.150	1				
28	Giường điều trị đa năng cho trẻ sơ sinh -VCF 2025	1		54.600	47.775	1				
29	Hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính 32 lát cắt	1		6.775.000	4.234.375	1				
30	Kìm kẹp kim nội soi	1		16.800	14.700	1				
31	Lồng ấp trẻ sơ sinh (2020) SYT cấp	1		230.000	57.500	1				
32	Lưu điện Huynhdai HD-3KT9 (T3- 2025)	1		16.300	14.263	1				
33	Máy điện tim	1		27.643		1				
34	Máy điện tim	1		28.000		1				
35	Máy điện tim kênh- CTMNPB	1		27.643		1				
36	Máy điện xung điện phân	1		97.000	14.550	1				
37	Máy điều trị điện từ trường điện tĩnh kiểu HUVAMTR200	1		95.244		1				
38	Máy điều trị điện xung điên phân 2 kênh	1		122.500		1				
39	Máy đo chức năng hô hấp	1		109.000	95.375	1				
40	Máy đo huyết áp tự động	1		32.025	28.022	1				
41	Máy đo nhịp tim bằng siêu âm (monitor SK) - VCF 2025	1		33.000	28.875	1				
42	Máy đo nồng độ bão hòa o xy trong máu	1		16.586		1				
43	Máy đo nồng độ bảo hoà oxy (SP)2) trong máu cầm tay -VCF 2025	1		11.000	9.625	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
44	Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu	1		66.343		1				
45	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	1		66.343		1				
46	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	1		66.343		1				
47	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	1		66.343		1				
48	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	1		16.586		1				
49	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	1		16.586		1				
50	Máy đo nồng độ bão hòa trong máu	1		16.586		1				
51	Máy gây mê kèm thở	1		1.044.500	783.375	1				
52	Máy hút áp lực âm (máy hút dịch áp lựu thấp)	1		17.500	15.313	1				
53	Máy hút áp lực âm (máy hút dịch áp lựu thấp)	1		17.500	15.313	1				
54	Máy hút dịch phẫu thuật (2023) chuyển từ TTYT về	1		31.000	19.375	1				
55	Máy hút dịch phẫu thuật (2023) chuyển từ TTYT về	1		31.000	19.375	1				
56	Máy hút dịch phẫu thuật (2023) chuyển từ TTYT về	1		31.000	19.375	1				
57	Máy hút dịch phẫu thuật (2023) chuyển từ TTYT về	1		31.000	19.375	1				
58	Máy hút dịch phẫu thuật (2023) chuyển từ TTYT về	1		31.000	19.375	1				
59	Máy laser nội mạch	1		37.800	33.075	1				
60	Máy li tâm	1		89.000	77.875	1				
61	Máy siêu âm điều trị	1		23.200	20.300	1				
62	Máy soi cổ tử cung	1		57.750	50.531	1				
63	Máy tạo oxy	1		27.000		1				
64	Máy tạo oxy	1		29.000		1				
65	Máy tạo oxy _Nidec	1		18.728		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
66	Máy tạo oxy Vision Airee	1		32.650		1				
67	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thống số, Model: BM5- Xuất xứ: Bionet, LTd/Hàn Quốc	1		61.350	38.344	1				
68	Máy thở Vsmart VFS-510+ pin dự phòng: Power Pack SKU , VFS-510 (2023)	1		72.238	45.149	1				
69	Máy thở Vsmart VFS-510+ pin dự phòng: Power Pack SKU , VFS-510 (2023)	1		72.238	45.149	1				
70	Máy thở Vsmart VFS-510+ pin dự phòng: Power Pack SKU , VFS-510 (2023)	1		72.238	45.149	1				
71	Máy tiệt trùng nhiệt độ tháp công nghệ plasma	1		969.500	848.313	1				
72	Máy trợ thở áp lực dương liên tục (2020) SYT cấp	1		130.000	32.500	1				
73	Máy trợ thở CPAP cho trẻ sơ sinh -VCF 2025	1		59.200	51.800	1				
74	Máy truyền dịch	1		31.500	27.563	1				
75	Máy truyền dịch	1		31.500	27.563	1				
76	Máy x quang chụp tại giường	1		468.800		1				
77	Máy xét nghiệm điện giải	1		98.500	27.580	1				
78	Máy xét nghiệm đông máu bán tự động	1		103.000		1				
79	Máy xét nghiệm đông máu bán tự động	1		87.500	24.500	1				
80	Máy xét nghiệm huyết học	1		130.300		1				
81	Máy xét nghiệm huyết học tự động	1		219.000	87.600	1				
82	Máy xét nghiệm máu lắng	1		78.000	31.200	1				
83	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	1		194.000	77.600	1				
84	Máy xét nghiệm nước tiểu	1		32.800	16.869	1				
85	Máy xoa bóp áp lực hơi	1		139.000		1				
86	Máy xông khí dung	1		10.617		1				
87	Monitor sản khoa	1		72.656		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
88	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số -VCF 2025	1		42.000	36.750	1				
89	Nồi hấp áp lực	1		170.722		1				
90	Nồi hấp điện 75 lít	1		71.800		1				
91	Nồi hấp tiệt trùng dùng trong y tế	1		507.052	76.058	1				
92	Nồng ấp trẻ sơ sinh	1		199.800	29.970	1				
93	Optic người lớn 0 độ	1		16.500		1				
94	Optic người lớn 70 độ	1		16.500		1				
95	Optic nhi 0 độ	1		16.500		1				
96	Pipet	1		14.656		1				
97	Tấm nhận ảnh và hộp chứa tấm nhận ảnh X quang	1		35.755		1				
98	Tấm nhận ảnh và hộp chứa tấm nhận ảnh XQ (IP+IP cass KT 35.4x43cm)	1		35.755		1				
99	Tấm nhận ảnh và hộp chứa tấm nhận ảnh XQ (IP+IP cass KT 35.4x43cm)	1		18.338		1				
100	Tấm nhận ảnh và hộp tấm nhận ảnh X quang (24*30)	1		18.338		1				
101	Tủ ấm (dự án)	1		40.553		1				
102	Tủ an toàn sinh học cấp I	1		33.015		1				
103	Tủ đựng hóa chất	1		30.632		1				
104	Tủ lạnh bảo quản mẫu	1		33.759		1				
105	Tủ lạnh trữ máu	1		88.475		1				
106	Tủ sấy JSOF150	1		40.365		1				
107	Xe đẩy bệnh nhân 2015	1		14.994		1				
108	Xe lưu trữ y dụng cụ đa năng Model SC32EMG -VCF 2025	1		19.000	16.625	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
5	**Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm**									
6	**Tài sản cố định đặc thù**									
7	**Tài sản cố định hữu hình khác**									
8	**Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)**	**5**		**1.506.500**	**195.420**	**5**				
1	Hệ thống chuyển đổi kỹ thuật số	1		582.300		1				
2	Hệ thống điều khiển phân luồng bệnh nhân	1		90.000	9.000	1				
3	Hệ thống gọi Bác sỹ	1		20.000		1				
4	Hệ thống quản lý bệnh viện	1		692.000	174.200	1				
5	Hệ thống xếp hàng tự động	1		122.200	12.220	1				
TỔNG CỘNG		**334**	**17.561**	**91.505.626**	**34.882.751**	**17.875**				

Pá Vầy Sủ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Hà Thị Phước

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC XÍN MẦN

Bs. Sìn Văn Sơn